TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 9 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn

2. Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-ST, ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nùng Thị Í, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xóm A, thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; "vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt"

- Bị đơn: Anh Lý Văn G, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm A, thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; "vắng mặt, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nùng Thị Í trình bày: Chị và anh Lý Văn G về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 15/02/2017 thì vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B,

tỉnh Hà Giang. Trước khi đi đăng ký kết hôn chị đã về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh G tại xóm A, thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xô xát chửi bới, cãi vã nhau, sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đấy làm. Chị Í nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lý Văn G.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018. Khi ly hôn chị Í có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Thị Kim L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Lý Đức M cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Í không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Văn G vắng mặt, anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bà Phan Thị Ấ là mẹ đẻ của anh G, bà Ấ đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh G được biết việc chị Í yêu cầu ly hôn anh G, Tòa án triệu tập anh G đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh G đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh G nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 20/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Phan Thị Ấ là mẹ đẻ của anh Lý Văn G; với trưởng thôn Xuân T, xã V và với đại diện UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi chị Í và anh G sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nùng Thị Í và anh Lý Văn G về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 15/02/2017 thì vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trước khi đi đăng ký kết hôn chị Í đã về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh G tại xóm A, thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xô xát chửi bới, cãi vã nhau, sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày

01/01/2015 và cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018, hiện nay chị Í và anh G đều là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định; tuy nhiên cả hai bên gia đình đều có ruộng, vườn, kết hợp với chăn nuôi nên cũng có thu nhập đủ điều kiện để nuôi các con; trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ, do anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nùng Thị Í có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nùng Thị Í được ly hôn anh Lý Văn G. Việc nuôi con: Giao cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Í trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Nùng Thị Í có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý Văn G có nơi cư trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cứ trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân anh G nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo và giao lại cho anh G nhưng anh G vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Í yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Lý Văn G vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Văn

G. Nguyên đơn là chị Nùng Thị Í vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nùng Thị Í .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị Í và anh Lý Văn G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2017 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị Í và anh G là hợp pháp.

[2.2] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, việc ai người đấy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Lý Văn G không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nùng Thị Í được ly hôn anh Lý Văn G.

[2.3] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày 01/01/2015 và cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018. Khi ly hôn, chị Í có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Thị Kim L; giao cháu Lý Đức M cho anh G nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy về khả năng kinh tế hai anh chị có kinh tế tương đương nhau. Về nguyện vọng nuôi con, chị Í có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, bên cạnh đó cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ; còn bị đơn anh G không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con, tuy nhiên trong biên bản xác minh với bà Phan Thị Ấ là mẹ đẻ của anh G thì bà cho biết hiện nay anh G đang đi làm Công ty thỉnh thoảng vẫn về thăm bà và các con được một, hai hôm xong lại đi thể hiện anh G vẫn quan tâm và lo cho các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Í trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[2.4] Về chia tài sản chung: Chị Nùng Thị Í không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nùng Thị Í. Chị Nùng Thị Í được ly hôn anh Lý Văn G.

2. Về nuôi con chung: Chị Nùng Thị Í là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Thị Kim L, sinh ngày 01/01/2015 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; anh Lý Văn G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Đức M, sinh ngày 04/5/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh G, chị Í có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nùng Thị Í phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Í đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003277, ngày 13/6/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vô Điếm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh